

Mối quan hệ giữa các tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo ở Việt Nam

Huang Yong Feng¹, Nguyễn Phước Tài^{1*}, Nguyễn Thuận Quý²

¹Khoa Triết học, Học viện Nhân văn, Đại học Hạ Môn, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc

²Trung tâm Bồi dưỡng nhà giáo, Trường Đại học Đồng Tháp

Ngày nhận bài 14/3/2016, ngày chuyển phản biện 18/3/2016, ngày nhận phản biện 15/4/2016, ngày chấp nhận đăng 31/5/2016

Các yếu tố như văn hóa, tâm lý con người, tâm lý xã hội, điều kiện kinh tế - xã hội và hoàn cảnh lịch sử là những điều kiện cần và đủ để cho một tôn giáo ra đời. Đó cũng chính là nguyên nhân dẫn đến sự hình thành và phát triển các tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo ở miền Nam Việt Nam. Mặc dù có tên gọi, giáo lý, tôn chỉ hành đạo riêng..., nhưng chung quy lại, các tôn giáo này có mối quan hệ biện chứng với nhau. Bài viết nêu lên những điểm tương đồng và dị biệt của các tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo ở Việt Nam để thấy rõ mối quan hệ biện chứng của ba tôn giáo bản địa này.

Từ khóa: Bửu Sơn Kỳ Hương, Phật giáo Hòa Hảo, quan hệ biện chứng, tương đồng và dị biệt, Tứ Ân Hiếu Nghĩa.

Chỉ số phân loại 5.11

The relationship among the religions of Buu Son Ky Huong, Tu An Hieu Nghia and Hoa Hao Buddhism in Vietnam

Summary

Such elements as culture, human psychology, social psychology in association with socio-economic conditions and history context were the necessary and adequate conditions for a birth of a religion. These social factors were also the reasons of the emergence and development of indigenous religions in the South of Vietnam, including Buu Son Ky Huong, Tu An Hieu Nghia, and Hoa Hao Buddhism. These religions have their specific characteristics of tenets, dogmas, and religious guidelines, but generally, they have dialectical relations in a complex interaction with each other. This article aims to analyze the similarities and differences among Buu Son Ky Huong, Tu An Hieu Nghia, and Hoa Hao Buddhism, then clarify the aforementioned dialectical relation.

Keywords: Buu Son Ky Huong, dialectical relation, differences and similarities, Hoa Hao Buddhism, Tu An Hieu Nghia.

Classification number 5.11

Bối cảnh chung ra đời các tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo

Những người tha phương, khai hoang bờ cõi từ miền Bắc, miền Trung vào miền Nam vào cuối thế kỷ XVIII nửa đầu thế kỷ XIX có nhu cầu rất lớn về tín ngưỡng, tâm linh nhưng do trình độ học vấn của họ khó tiếp thu được giáo lý cao siêu của Phật giáo, tư tưởng Nho giáo và Đạo giáo. Bên cạnh đó, chiến tranh biên giới, chính sách di dân lập đồn điền đưa đến những biến động về mặt chính trị, văn hóa - xã hội... Nạn mất mùa, đói kém diễn ra liên miên, địa chủ chiếm ruộng đất làm đời sống nông dân vô cùng điêu đứng.

Với tình hình kinh tế - xã hội, văn hóa, tín ngưỡng và hoàn cảnh lịch sử của vùng đất Nam Bộ vào giữa thế kỷ XIX đã hội tụ đủ điều kiện ra đời các tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo ở miền Nam Việt Nam, chủ nghĩa Mác - Lênin cũng từng đề cập rằng: tôn giáo là một hiện tượng xã hội, nó có nguồn gốc từ những sự hạn chế của các mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và đối với nhau. Sự bất lực trước những sức mạnh tự nhiên cũng như xã hội đã nảy sinh nhu cầu đền bù cho những hạn chế đó.

Những năm đầu của thế kỷ XIX, ở miền Nam Việt Nam thường xuyên xảy ra những trận đại dịch [1], nạn lũ lụt hàng năm của quy luật tự nhiên, tình trạng thiếu nước ngọt để phục vụ sinh hoạt và canh tác trong mùa khô dẫn đến mất mùa, đói kém... Bên cạnh đó, chính

*Tác giả liên hệ: Email: nptaidhdt@gmail.com

quyền thực dân Pháp và một số quan sai của Triều đình nhà Nguyễn ra tay đàn áp, bóc lột nông dân bằng nhiều loại thuế khác nhau, di dân lập đồn điền (nhất là thời Minh Mạng) [2]... Chính những sự tác động ấy đã làm cho đời sống người dân lâm vào cảnh cùng cực, khổ đau và chết chóc. Họ bế tắc không tìm ra lối thoát ở cuộc sống hiện tại, khủng hoảng về tư tưởng, đây là tiền đề và điều kiện thuận lợi cho sự ra đời các tôn giáo bản địa ở miền Nam Việt Nam: tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo. Hầu hết các tôn giáo này ra đời đều thực hiện chức năng trị bệnh cứu đời, khuyên dạy tín đồ làm lành, lánh dữ, tự sửa mình.

Các tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo ở miền Nam Việt Nam

Sơ lược các tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo

Bửu Sơn Kỳ Hương:

Khi người nông dân nghèo khổ, lạc lõng bơ vơ và phải đối chọi với bệnh tật hoành hành và đời sống bị thực dân Pháp đàn áp, vơ vét, các chính sách của địa chủ phong kiến thời bấy giờ, họ cảm thấy yếu đuối và bất lực trước cuộc sống nên trông chờ vào “*điều kỳ diệu*” của thần linh, phép lạ ở một đẳng siêu nhiên nào đó ra tay cứu dân, độ thế; và ông Đoàn Minh Huyền đã xuất hiện như một vị cứu tinh, một vị “*Hoạt Phật*” (Bouddha Vivant) giáng thế cứu đời trong hoàn cảnh đó. Như vậy, với các điều kiện: văn hóa, tâm lý con người, tâm lý xã hội, tình hình kinh tế - xã hội đã hội tụ đủ các điều kiện để một tôn giáo ra đời và đó cũng chính là điều kiện ra đời tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương.

Ông Đoàn Minh Huyền sinh vào ngày rằm, tháng mười năm Đinh Mão (năm 1807), đời Gia Long thứ VI tại làng Tòng Sơn, tổng An Tịnh, huyện Vĩnh An, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh (ngày nay là huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp), là người sáng lập ra tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương (hay còn gọi là đạo Lành) [3] “*Điều thứ chín đạo lành căn bản; Giữ làm sao có bạn không thù... vừa no, đủ ẩm dèo bông làm chi*”. Ông đã sử dụng 4 chữ khoán thủ trong bài thơ “**Tứ Bửu Linh Tự**” để đặt tên cho tôn giáo của mình. Bài thơ “**Tứ Bửu Linh Tự**” đọc theo chiều dọc và chiều ngang đều có ý nghĩa là đề ghi dấu chỗ phát tích của tôn giáo do ông sáng lập và báo tin một chuyển biến lớn trong đời sống của dân tộc Việt Nam.

Đây là cách đọc theo chiều ngang của bài “Tứ Bửu Linh Tự”

“**Bửu** Ngọc Quân Minh Thiên Việt Nguyên

Son Trung Sư Mạng Địa Nam Tiền
Kỳ Niên Trang Tái Tân Phục Quốc
Hương Xuất Trình Sanh Tảo Nghiệp Yên”

Và cách đọc theo chiều dọc:

“**Bửu Sơn Kỳ Hương**

Ngọc Trung Niên Xuất

Quân Sư Trang Trình

Minh Mạng Tái Sanh

Thiên Địa Tân Tạo

Việt Nam Phục Nghiệp

Nguyên Tiền Quốc Yên”

Chữ **Bửu Sơn Kỳ Hương** có thể được hiểu là Núi Báu (núi Cẩm, An Giang) tỏa hương thơm đặc biệt, sau này sẽ làm rạng danh nước Việt Nam, tiếng thơm lạ vươn ra ngoài cõi biên thùy báo tin một nguồn ân thánh triết ra đời tạo lập một kỷ nguyên mới, cõi đời Thượng ngươn lạc [4]. Bên cạnh đó, cũng còn một số cách giải thích khác mà cách nào cũng có ý nghĩa khá sâu sắc. Chẳng hạn, Bửu Sơn Kỳ Hương ý muốn ví mỗi con người là một ngọn núi quý, trong đó có sẵn hương thơm (Thiện tính, Phật tính), con người cần hiểu điều đó và sống cùng với nó. Hoặc theo tài liệu biên soạn lưu hành nội bộ của Tứ Ân Hiếu Nghĩa nói về lịch sử của Bửu Sơn Kỳ Hương đã lý giải 4 chữ Bửu - Sơn - Kỳ - Hương, tương ứng với 4 vị hoạt phật: “**Chữ Bửu** là hiệu **Phật vương**; **Chữ Sơn** **Phật Thầy** tin tưởng phước dư; **Chữ Kỳ** là hiệu **Bổn sư**; **Chữ Hương** **Phật trùm** bốn chữ phải mang”.

Ông Đoàn Minh Huyền thọ 50 tuổi, tịch tại núi Sam vào giờ Ngọ ngày 12 tháng Tám năm Bính Thìn (1856). Từ năm 1856 đến 1873, được xem là giai đoạn phát triển của tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, khi ông tịch còn lưu truyền lại quyển “*Sấm truyền Đức Phật Thầy Tây An*” do Đồ Trương sao chép lại qua lời giảng của Đức Phật Thầy Tây An.

Trong quá trình hình thành và phát triển Bửu Sơn Kỳ Hương, chúng ta thấy rằng, ông Đoàn Minh Huyền là người đầu tiên trong Phật sử Việt Nam có tư tưởng canh tân Phật pháp nhằm giản dị hóa mọi tập tục thờ cúng (với tinh thần vô vi của Phật giáo) và chỉ ra cách thức tu hành mới cho người dân để phù hợp với đặc điểm xã hội Việt Nam lúc bấy giờ.

Tứ Ân Hiếu Nghĩa:

Sau khi ông Đoàn Minh Huyền viên tịch, có nhiều

người đứng ra chữa bệnh, giảng đạo cho mọi người và tự nhận mình là “*hậu duệ*” của Phật Thầy Tây An [2]. Tuy nhiên, người được quần chúng nhân dân xem như là hậu thân của Phật Thầy là ông Năm Lợi, tức Ngô Tự Lợi hay ông Năm Thiếp (ông hay ngồi đồng thiếp cho nên quần chúng tặng biệt danh là thầy Năm Thiếp), Năm Hữu, Chánh Tăng Đạo Sư, tên thật là Ngô Viện.

Về nơi sinh và năm sinh của ông chưa có sự thống nhất, một số nhà nghiên cứu cho rằng, ông sinh vào năm Canh Dần [5] (1830) hoặc năm Nhâm Thìn [6] (1832) và nơi sinh của ông là Châu Đốc [7] (Làng Dội - Mộc Bài). Theo Hà Tân Dân trình bày trong Hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa thì quê quán trước kia của ông Ngô Lợi ở xã Bình An (Định Tường). Đến khi mẫu thân ông thọ thai mới chuyển gia đình về Mỏ Cày (Bến Tre). Ông ra đời chẳng được bao lâu thì thân phụ qua đời nên ông sống với bà mẹ góa cho đến khi trưởng thành [8].

Thực tế từ trước đến nay, các tín đồ của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa chọn ngày 5 tháng 5 năm Tân Mão (1831) làm ngày sinh cho người sáng lập ra tôn giáo của họ. Đồng thời, trong sách Ngọc Lĩnh Đồ Thư tập chú, đạo Hiếu Nghĩa, kinh Hiếu Nghĩa cũng đã ghi rõ ngày và năm sinh của ông.

“Tân Mão niên ngũ ngoạt

Sơ ngũ nhựt ngo thời

Hạ trường thọ thiên ân

Ngô bốn tông sở hiệu” [9]

Miền Nam Việt Nam vào cuối thế kỷ XIX bị dịch tả hoành hành ác liệt, những người mắc bệnh là chết vô phương cứu chữa, đồng thời thực dân Pháp đẩy mạnh bóc lột ở Nam Bộ, cuộc sống của người dân rơi vào cảnh lầm than cơ cực. Trước nạn dịch tả đó, ông Ngô Lợi đã chữa bệnh cho người dân và khuyên người dân “làm lành, lánh dữ” cũng giống như cách làm trước đây của ông Đoàn Minh Huyền. Việc chữa bệnh của ông rất hiệu quả, những người mắc bệnh ở các nơi nghe danh ông tìm đến để chữa trị. Ông vừa trị bệnh vừa khuyên mọi người tu niệm.

Trước khi khai sinh Tứ Ân Hiếu Nghĩa, những người theo học đạo mà Ngô Lợi truyền dạy hay gia nhập đạo của ông, hỏi danh xưng của đạo là gì? [2] Ông đáp vấn tắt là: *Đạo Thờ Ông Bà*, đúng như tinh thần đạo lý đã truyền giảng [8], nghi thức thờ cúng của đạo, đồng thời đề cao tinh thần “hiếu nghĩa” đối với tổ tiên của những tín đồ theo đạo.

Để tỏ lòng biết ơn và kính trọng vì ông đã giúp đỡ

mọi người tránh được dịch bệnh và giúp họ có chỗ dựa tinh thần, tháng 9 năm 1870, Ngô Lợi được đông đảo quần chúng nhân dân và các tín đồ theo đạo gọi bằng danh hiệu Đức Bồn Sư. Cũng từ đây, ông bắt đầu thực hiện việc “cấp lòng phái” (“lòng phái” là mảnh giấy màu vàng có ghi 4 chữ “Bửu Sơn Kỳ Hương” màu son) mỗi khi có tín đồ đăng ký theo đạo [8].

Đến tháng 7 năm 1872, ông đưa tín đồ tới xã An Lộc (An Giang) cất ngôi chùa đầu tiên tại Bình Long. Từ đây, ông mở rộng việc truyền bá đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ra khắp vùng [8]. Sau một thời gian đi hóa độ ở nhiều nơi, ông Ngô Lợi trở về Núi Tượng (An Giang) lập chùa và cấp lòng phái Bửu Sơn Kỳ Hương cho những tín đồ theo đạo, khai sinh ra Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa vào ngày rằm tháng 9 năm Mậu Dần (1878) [10]. Tên gọi Tứ Ân Hiếu Nghĩa bao hàm chỉ mục đích và nội dung hành đạo và có thể nói đó là một tên gọi mang ít nhiều tính dân gian [2]. Ông vừa truyền đạo, vừa đưa dân đi lánh nạn, vừa xây dựng quê mới, kết hợp chữa bệnh bằng tâm lý với các loại thảo dược. Bên cạnh đó, ông cũng âm thầm tổ chức lực lượng để kháng chiến chống Pháp và tạo tiếng vang ở vùng Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên, Mỹ Tho...

Sau 12 năm hóa độ chúng sinh (1878-1890), Ngô Lợi tịch nhằm ngày 13 tháng 10 năm Canh Dần (1890), thọ 60 tuổi [8] tại Núi Tượng - là nơi đầu tiên ông khai đạo và cũng là nơi ông vĩnh viễn ra đi. Các bộ kinh được ông Ngô Lợi để lại như: kinh hiếu nghĩa, quyển Bà La Ni kinh bằng chữ Hán...

Tôn giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đã đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần, đời sống tâm lý của người nông dân trong bối cảnh khi đó. Tứ Ân Hiếu Nghĩa có những nét đặc trưng riêng, làm phong phú thêm cho nền văn hóa, tín ngưỡng của người Việt vùng Nam Bộ, tạo nên một sắc thái riêng của văn minh miệt vườn sông nước.

Phật giáo Hòa Hảo:

Cũng trong hoàn cảnh lúc bấy giờ, nhiều người dân đã “*sức cùng lực kiệt*”, nên họ hướng về Phật, về Trời với mong muốn tìm con đường giải thoát cho chính mình. Đây cũng chính là bối cảnh lịch sử dẫn đến sự hình thành Phật giáo Hòa Hảo.

Người sáng lập ra Phật giáo Hòa Hảo là ông Huỳnh Phú Sổ. Ông sinh ngày 15 tháng 1 năm 1920 tại làng Hoà Hảo, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc (nay thuộc huyện Phú Tân, tỉnh An Giang). Ngày 16 tháng 4 năm 1947 được xem là ngày “vắng mặt” của ông.

Tại sao ông Huỳnh Phú Sổ lấy tên là Phật giáo Hòa Hảo? Để giải thích tên gọi này, tác giả bài viết thống nhất với những nhận định của một số học giả, nhà nghiên cứu như sau: “*Hòa Hảo*” là địa danh nơi ông sinh trưởng, ngẫu nhiên bao hàm một ý nghĩa từ bí [5], nhân loại đại đồng, xây dựng trên nền tảng “hòa” đồng “hảo” hợp, và lại ông cũng thường ký biệt danh Hòa Hảo, cho nên tôn giáo do ông sáng lập mang danh là Hòa Hảo.

“Mãng chơ trông bá tánh thánh thời

Khắp bốn biển liên đây Hòa Hảo” [11]

Còn cụm từ “Phật giáo” đã nói lên một cách sáng tỏ rằng, đạo của ông là đạo Phật, giảng dạy giáo lý của Đức Phật Thích Ca mà ông có sứ mạng truyền bá - đây được xem là một sứ mạng thiêng liêng nhất.

“Ta thừa vưng sắc lệnh Thế Tôn

Khắp hạ giới truyền khai Đạo pháp” [11]

Thuở nhỏ, Huỳnh Phú Sổ rất thông minh, học hết bằng sơ học yếu lược Pháp - Việt nhưng hay bị đau ốm nên đành bỏ dở việc học. Ông được thân sinh đưa lên núi Thất Sơn - nơi nổi tiếng trị bách bệnh bằng thuốc nam và cả bùa ngải, để chữa bệnh và cũng từ đây ông được tiếp thu truyền thống yêu nước của tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương do Đoàn Minh Huyền sáng lập và Tứ Ân Hiếu Nghĩa do Ngô Lợi lập nên [12]. Trong thời gian chữa bệnh ở vùng Thất Sơn, ông Huỳnh Phú Sổ học được nhiều bài thuốc nam, học cách tu luyện bùa chú.

Phương pháp chữa bệnh của ông rất đơn giản, giống như cách làm của ông Đoàn Minh Huyền, ông Ngô Lợi là dùng giấy vàng, nước lã, bông trang, lá bưởi, rễ chanh, rễ chổi mồi [13]... Những người được ông cứu chữa đều khỏi hẳn, từ đó tiếng tăm của ông được nhiều người biết đến, những người bệnh đến nhờ ông chữa trị càng ngày càng nhiều. Lúc bấy giờ, dân chúng gọi ông là “Thầy Tư Hòa Hảo”, tức là “Thầy Tư bốc thuốc ở làng Hòa Hảo” [1].

Ông tự nhận mình là bậc “sinh như tri”, biết được quá khứ nhìn thấu vị lai. Ông nói đã gặp được Phật A Di Đà, Thích Ca, Ngọc Hoàng Thượng Đế, được thọ mệnh xuống hạ giới, có nhiệm vụ truyền bá cho dân chúng tư tưởng của tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương để chấn hưng Phật giáo, cứu độ chúng sinh khỏi sông mê, biển khổ và đưa tới chốn Tây phương cực lạc [14].

Trong Sám giảng thi văn của mình, ông Huỳnh Phú Sổ đã đề cập đến sự ra đời của Phật giáo Hòa Hảo, chịu ảnh hưởng của Bửu Sơn Kỳ Hương để trở thành một

tông phái mới. Từ đây chúng ta thấy rằng, giữa Phật giáo Hòa Hảo và Bửu Sơn Kỳ Hương có những nét tương đồng nhất định giữa hai tông phái.

“Huỳnh sanh cơ thắm đảo trung đàn

Tự giác âm thầm kiến tiên bang

Bửu Ngọc Sơn trung Kỳ Hương chí

Tứ hải bắt hòa khởi liên giang” [11]

Ông vừa chữa bệnh, vừa thuyết pháp, rao giảng giáo lý Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa cho dân chúng, khuyên người đời tu niệm “làm lành, lánh dữ”, ông còn ca ngợi truyền thống yêu nước của các tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Hiếu Nghĩa, khuyên mọi người niệm Phật tưởng Trời và van vái Thần, Thánh, tin tưởng vào các đấng “thiên liêng”, bởi vì:

“Thành lòng nước lã nên hồ

Hữu tâm chí đức cam lồ Phật ban” [11]

Với việc chữa bệnh, khuyên người đời tu niệm như thế, ông Huỳnh Phú Sổ đã tạo dựng trong lòng quần chúng sự kính trọng, khâm phục và thậm chí là tôn thờ. Do đó, chỉ trong vòng 3 năm (1937-1939), số người tin theo ông đã khá đông và ông trở nên nổi tiếng khắp vùng.

Sau một thời gian rao giảng kinh kệ, khuyên dạy người đời, chữa bệnh đã gieo được sự tin vào lòng người dân, ngày 18 tháng 5 năm Kỷ Mão (1939), khi 19 tuổi, ông Huỳnh Phú Sổ thấy cơ duyên lập đạo đã đến nên chính thức khai đạo Phật giáo Hòa Hảo ngay tại nhà mình với sự chứng kiến của đông đảo dân chúng trong vùng. Huỳnh Phú Sổ là Giáo chủ Phật giáo Hòa Hảo, được người dân gọi là Đức Thầy [7].

Ngay từ khi mới thành lập cho đến nay, Phật giáo Hòa Hảo là một tôn giáo đại diện cho những người nông dân nghèo, cần cù, chịu khó... Cũng giống như Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hòa Hảo khuyến tín đồ tham gia tích cực vào các phong trào phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương, thực hiện tốt đường hướng hành đạo “vì đạo pháp, vì dân tộc”.

Những điểm tương đồng và dị biệt giữa các tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo

Những điểm tương đồng:

Thứ nhất, các tôn giáo trên đều mang tính bản địa (được hình thành trong quá trình khai hoang vùng đất phương Nam, gắn liền với tính cách và phù hợp với trình độ nhận thức của người dân Nam Bộ lúc bấy giờ). Do

đó, ba tôn giáo này hầu như chỉ phát triển được trên mảnh đất khởi phát của chúng là nông thôn Nam Bộ, tín đồ đại đa số là nông dân, ảnh hưởng của ba tôn giáo này ở thành thị rất yếu.

Thứ hai, các tôn giáo đều đưa ra *Thuyết tận thế* và *Hội Long Hoa* để khuyến răn tín đồ: coi việc đói kém, bệnh dịch, chết chóc xảy ra liên miên là điềm báo trước về ngày tận thế. *Ngày Hội Long Hoa* mang ý nghĩa nhân quả: những người hiền đức, hiếu thảo sẽ được chọn để hưởng thụ cuộc sống hạnh phúc, những kẻ gian ác, bất hiếu, không có tính người sẽ bị trừng trị. Để được tham dự Hội Long Hoa, những tín đồ của các tôn giáo cần phải xa rời cái xấu, hành thiện, tích đức, phải sống đúng bổn phận của mình trong gia đình và xã hội.

Thứ ba, cả ba tôn giáo đều đưa ra quan điểm về *Thuyết mạng pháp*, lý giải quy luật tuần hoàn của vũ trụ diễn ra theo ba thời kỳ: thời Thượng Ngươn, thời Trung Ngươn và thời Hạ Ngươn. Với quan điểm như thế, các tôn giáo đã khuyến dạy tín đồ và bá tính tu tâm, dưỡng tính để thoát khỏi sự khổ hạnh, sớm gia nhập Hội Long Hoa để có được cuộc sống an lạc và hạnh phúc.

Thứ tư, các tôn giáo đều chú trọng phát triển đạo của mình theo hình thức cư sỹ tại gia. Nghĩa là tín đồ không cần phải xuất gia, không bắt buộc ăn chay trường, việc đơn giản hóa các phương thức tu hành như vậy là để phù hợp với cuộc sống giản dị của người dân nơi đồng ruộng.

Thứ năm, căn cốt giáo lý của ba tôn giáo là học Phật tu nhân và báo đáp tứ ân, học Phật là mục đích, còn tu nhân là phương tiện để đạt đến sự giải thoát.

Thứ sáu, cả ba tôn giáo đều chịu ảnh hưởng của các hệ thống quan điểm và triết lý của Nho giáo: *Hiếu, nghĩa*; Phật giáo: *Vô vi, tứ ân*; Lão giáo: *Vô vi, các thờ cúng, hình thức tu tiên*, cộng với việc tín ngưỡng dân gian và tập quán thờ cúng tổ tiên của dân tộc. Điều đó đã góp phần tạo nên sự đa dạng trong đời sống tinh thần và tâm linh của người dân Nam Bộ lúc bấy giờ.

Thứ bảy, để phù hợp với trình độ nhận thức của người dân Nam Bộ lúc bấy giờ, các tôn giáo đều sử dụng nhiều phương pháp tu gồm cả Mật, Tịnh, Thiền. Đầu tiên các giáo chủ kết hợp *Mật tông* để gây dựng lòng tin cho bá tính. Bởi vì, Mật tông là tông phái lấy phép tu trì, phù chú bí mật làm yếu chỉ. Giáo pháp của Mật tông sử dụng mật ngữ, phù chú và ấn quyết để làm phép huyền bí. Giáo pháp này mang lại cho chúng sinh sự an lành, thịnh vượng và xua đi bệnh tật [4]. Sau khi tạo dựng được

đức tin, các vị giáo chủ sử dụng pháp môn *Tịnh độ*. Đây chính là pháp môn niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà để nương nhờ *Từ bi oai lực nhiệm mầu* hầu được độ thoát khỏi chốn ưu sầu trần ai. Sự trì niệm ấy, phải thành tâm. Pháp tu Tịnh độ này rất đơn giản, dễ thực hiện và phù hợp với trình độ nhận thức của người dân nghèo. Ngoài ra, các ông còn áp dụng phép tu *Thiền*, đây là phép tu tự lực hay còn gọi là phép tu kiến tính, tự trau dồi tâm tính, nhận rõ chân lý thấu hiểu lời Phật dạy. Phép tu này chỉ dành riêng cho những người có căn cơ và đủ nghị lực hành trì.

Thứ tám, chủ trương đường lối của các tôn giáo luôn gắn liền với bối cảnh lịch sử của vùng miền, đáp ứng kịp thời các nhu cầu của người dân trong từng thời kỳ. Cụ thể, việc thu nhận tín đồ luôn gắn kết với các hoạt động xã hội như việc chữa bệnh cứu người, tổ chức khai hoang lập ấp trong giai đoạn khai phá vùng đất phương Nam; đến khi nước nhà bị thực dân Pháp xâm lược, các tôn giáo lại trở thành đầu mối tập hợp người dân đứng lên chống thực dân Pháp.

Những điểm tương đồng được trình bày ở trên, đã chứng minh rằng, các tôn giáo từ Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, đến Phật giáo Hòa Hảo có mối quan hệ mật thiết với nhau. Bên cạnh đó, các tôn giáo này vẫn có những nét đặc trưng riêng tạo nên bức tranh tôn giáo nhiều màu sắc.

Những điểm dị biệt:

Tư tưởng Nho, Phật, Lão là nguyên nhân dẫn đến những điểm tương đồng giữa ba tôn giáo. Song song đó, mỗi tôn giáo lại có bản sắc riêng thể hiện ở những đặc điểm sau:

Một là, khác nhau về tôn chỉ hành đạo của các tôn giáo: Bửu Sơn Kỳ Hương lấy tu nhân làm tôn chỉ tối thượng trong tu hành, Tứ Ân Hiếu Nghĩa xem hành tứ ân - sống hiếu nghĩa - vì đại đoàn kết dân tộc là tôn chỉ hành đạo của mình, còn Phật giáo Hòa Hảo thì khuyến tín đồ sống hòa thuận và hiếu thảo với ông bà cha mẹ.

Hai là, khác nhau về giáo lý: mỗi tôn giáo có các kinh sách, sấm giảng khác nhau, cách thể hiện giáo lý ấy cũng khác nhau.

Ba là, khác nhau về nghi lễ cầu cúng: Bửu Sơn Kỳ Hương và Phật giáo Hòa Hảo trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà, giản dị trong kinh chú, giản dị trong nghi thức hành lễ; còn Tứ Ân Hiếu Nghĩa niệm nhiều mật chú, lễ bái đa thần. Trong khi đó, Phật giáo Hòa Hảo trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà kết hợp với các lời

kinh do ông Huỳnh Phú Sổ viết lại.

Bốn là, khác nhau về nghi thức và đối tượng thờ cúng: đối tượng thờ cúng của Bửu Sơn Kỳ Hương là tấm trần điều được treo trước chánh điện (ở chùa Bửu Sơn Kỳ Hương), còn ở nhà tín đồ thì thờ tổ tiên, ông bà, cha mẹ và thờ tấm trần điều (ở bàn thờ giữa nhà), trong khi hành lễ các tín đồ chỉ niệm danh hiệu Phật A Di Đà (Nam Mô A Di Đà Phật). Tứ Ân Hiếu Nghĩa có đối tượng thờ cúng và nghi thức đa dạng và phong phú (thờ cúng các đối tượng của Tam giáo hay liên quan đến Tam giáo theo thứ tự Phật, Tiên, Thánh), thờ tấm trần điều có in trên đó chữ bùa lớn, màu xanh, gọi là Tiên sanh Thái Kiệt [8], nghi thức hành lễ của các tín đồ ngoài niệm danh hiệu Phật A Di Đà, còn phải lần chuỗi hạt, niệm chú, đọc kinh Tứ Ân Hiếu Nghĩa... Phật giáo Hòa Hảo thì cho rằng, ngoài thờ Phật, tổ tiên, ông bà, cha mẹ và những anh hùng của đất nước không nên thờ vị tà thần nào khác mà không rõ căn tích [11], thờ tấm trần dĩa, các tín đồ Phật giáo Hòa Hảo ngoài niệm danh hiệu Phật A Di Đà, còn niệm Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Năm là, khác nhau về tổ chức: Bửu Sơn Kỳ Hương không có sự phân chia chức vụ, chức sắc, tên gọi của các tín đồ với nhau. Còn Tứ Ân Hiếu Nghĩa (ông Gánh, ông Trò, tín đồ) và Phật giáo Hòa Hảo (*Thầy, đệ tử*) có cơ cấu tổ chức phức tạp hơn.

Sáu là, một điều khá đặc biệt giữa Tứ Ân Hiếu Nghĩa so với Bửu Sơn Kỳ Hương và Phật giáo Hòa Hảo, đó là có sự phân biệt giới tính khi niệm kinh. Chẳng hạn, trong kinh Hiếu Nghĩa, sau phần khai kinh là bài chú dành riêng cho tín đồ nữ, trong khi đó tín đồ nam lại tụng niệm bài kinh khác [2]...

Từ những điểm tương đồng và dị biệt của ba tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo đã được đề cập ở trên, cho phép chúng ta kết luận rằng: sự kế thừa giữa ba tôn giáo là một quá trình có chọn lọc. Tuy có chung nguồn gốc, có sự ảnh hưởng lẫn nhau, nhưng lại phát triển trên những phương diện khác nhau.

Kết luận

Ông Đoàn Minh Huyền, người sáng lập ra tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, có công rất lớn trong việc khai hoang vùng Thất Sơn, tỉnh An Giang, sau khi viên tịch các đệ tử của ông đã mở ra các Hệ phái khác nhau với các tên gọi khác nhau như Tứ Ân Hiếu Nghĩa do ông Ngô Văn Lợi xây dựng, Phật giáo Hòa Hảo do ông Huỳnh Phú Sổ thành lập... Tất cả các tôn giáo ấy đều

kế thừa giáo lý và tôn chỉ hành đạo của ông Đoàn Minh Huyền và Phật giáo.

Bên cạnh việc kế thừa ấy, các tôn giáo ra đời sau có sự cải biên lại để phù hợp với tình hình chính trị - xã hội lúc bấy giờ, nhưng vẫn đảm bảo được ý nghĩa của hoạt động "*Học Phật Tu Nhân*" và làm tròn "*Tứ ân*" mà các vị giáo chủ đã dày công xây dựng để truyền dạy cho các thế hệ tín đồ. Cũng cần nói thêm rằng, các tôn giáo ra đời sau có sự phát triển đầy đủ hơn tôn giáo ra đời trước đó như việc ghi chép kinh sách, sấm giảng của ông Đoàn Minh Huyền với các quyển kinh sách, sấm giảng của ông Ngô Lợi hay của ông Huỳnh Phú Sổ.

Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo đã thể hiện mối quan hệ chặt chẽ, có sự kế thừa tôn chỉ và giáo lý của nhau. Giáo lý và tôn chỉ của ba tôn giáo này đã thể hiện truyền thống tín ngưỡng của dân tộc, thấm đượm ở cả phần lý luận lẫn thực hành của đạo. Với những giá trị quý báu ấy, các tín đồ; các cơ quan chức năng liên quan cần xây dựng phương hướng và giải pháp phù hợp để bảo tồn và phát huy những nét đẹp trong từng tôn giáo.

Tài liệu tham khảo

- [1] <http://thuvien.yhvn.vn/đại-học-y-hà-nội/bệnh-tả>.
- [2] Đinh Văn Hạnh (1999), *Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa của người Việt Nam Bộ (1867-1975)*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh, tr.39-40, 61-63, 94.
- [3] Cư sỹ Thanh Lam (2012), *Văn Sám điển tịch Đức Phật Thầy Tây An*, Nxb Phương Đông, TP Hồ Chí Minh, tr.110.
- [4] Vương Kim (1966), *Bửu Sơn Kỳ Hương*, Nxb Long Hoa, Sài Gòn, tr.22, 35-38.
- [5] Nguyễn Văn Hào (1968), *Nhận thức Phật giáo Hòa Hảo*, Nxb Hương Sen, tr.19, 21.
- [6] Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Trường (1992), *Nghìn năm bia mệnh*, tập 2, Nxb TP Hồ Chí Minh.
- [7] Đặng Nghiêm Vạn (2001), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, tr.282.
- [8] Hà Tân Dân (1971), *Hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa*, Tủ sách sưu khảo sử liệu Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Sài Gòn, tr.16, 21, 38-39, 121.
- [9] Đức Bổn Sư (1967), *Linh sơn hội thượng kinh, Hiếu Nghĩa Kinh (quyển Thượng, Trung và Hạ)*, Nhà in Phật Đường Tự, Chợ Lớn, tr.43.
- [10] Trịnh Văn Thanh (1965), *Thành ngữ điển tịch danh nhân từ điển*, Nxb Văn học, tr.1029.
- [11] Huỳnh Phú Sổ (1966), *Sấm giảng thi văn giáo lý*, Ban Phổ thông giáo lý Trung ương Phật giáo Hoà Hảo, tr.220, 327, 332, 337, 340.
- [12] Bùi Thị Thu Hà (2012), *Phật giáo Hòa Hảo tri thức cơ bản*, Nxb Từ điển Bách khoa, tr.21-22.
- [13] Dật Sĩ và Nguyễn Văn Hào (1972), *Thất Sơn Mầu Nhiệm*, Nxb Từ Tâm, tr.185.
- [14] http://vi.wikipedia.org/wiki/Phật_Giáo_Hòa_Hảo.